

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 6 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S – TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Ngọc Trọng;

Ông Nguyễn Viết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thúy A – sinh năm 1994;

Địa chỉ: Khu phố Tr, Phường Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Phi T – sinh năm 1992;

Địa chỉ: Khu phố Tr, Phường Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thúy A yêu cầu giải quyết vụ án đối với bị đơn anh Nguyễn Phi T như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phi T kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn1. Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc vui vẻ được một thời gian dài thì đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi cọ, vợ không không quan tâm nhau. Anh T là người nghiện ma túy, thường xuyên chơi bài, bỏ bê công việc, không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T

Về con chung: Chị Thúy Anh công nhận chị và anh T có một con chung là cháu: Nguyễn Phi Thái Duy, sinh ngày 22/4/2014. Hiện cháu đang ở với chị ở nhà ngoại, ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thúy A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Phi T sau khi biết được Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh có quan điểm trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thúy A kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường Quảng Tiến. Quá trình chung sống thì vợ chồng ở với nhau không có mâu thuẫn gì trầm trọng, vợ chồng hay cãi nhau. Do anh T nghiện ma túy không chú trọng làm ăn, không quan tâm tới gia đình nên cô Anh đâm ra chán nản và làm đơn xin ly hôn. Về hôn nhân nguyện vọng của anh muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau, nuôi dạy con cái cho tốt.

Về con chung: Anh T công nhận anh và chị A có một con chung là cháu: Nguyễn Phi Thái Duy, sinh ngày 22/4/2014. Anh đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo quy định pháp luật

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết thúc việc tranh luận, đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố S phát biểu quan điểm về tố tụng và hướng giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và của đương sự là đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự, về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Vũ Thúy A được ly hôn anh Nguyễn Phi T. Giao cháu Nguyễn Phi Thái D cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị A phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu về chấp hành pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thúy A khởi kiện anh Nguyễn Phi T là loại án: Tranh chấp ly hôn, người nuôi con khi ly hôn. anh T có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thành phố S, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S và được tòa án thụ lý là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thúy A và anh Nguyễn Phi T kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quảng Tiến. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả hai bên anh chị đều đủ tuổi kết hôn không vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2000, như vậy hôn nhân giữa chị A và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Về yêu cầu xin ly hôn: Cả chị A và anh T đều công nhận sau khi kết hôn vợ chồng sống vui vẻ hòa thuận và sau đó có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống là do anh T nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn, nên tình cảm vợ chồng sút mẻ tình cảm. Hiện chị A đã về ngoại sinh sống. Quá trình xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại địa phương thì thấy vợ chồng anh chị có nhiều bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, anh T nghiện ma túy nên không tu chí làm ăn. Hiện anh Nguyễn Phi T là đối tượng nghiện ma túy, đang được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của Chủ tịch UBND phường Q. Xét thấy tình cảm giữa hai anh chị thực sự khó có thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, cho chị A được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên họp anh Nguyễn Phi T vắng mặt không có lý do nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và không hòa giải và thông báo kết phiên họp công khai chứng cứ cho anh T được biết. Chị A đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về con chung: Chị A, anh T đều công nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Phi Thái Duy, sinh ngày 22/4/2014 chung. Quá trình giải quyết chị A có nguyện vọng nuôi con và có công việc và thu nhập ổn định nên xét thấy cần thiết giao con chung cho chị A nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật và tâm sinh lý phát triển của cháu bé, ngoài ra chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: chị A, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Vũ Thúy A phải có nghĩa vụ nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nhưng được đối trừ vào số tiền án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thành phố Sầm Sơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thúy A, chị A được ly hôn với anh Nguyễn Phi T

Về con chung: Công nhận chị Vũ Thúy A và anh Nguyễn Phi T có một con chung là cháu Nguyễn Phi Thái D, sinh ngày 22/4/2014. Giao cháu D cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Không xem xét giải quyết

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Vũ Thúy A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp, theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0007242, ngày 27/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S (chị A đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử công khai có mặt chị A vắng mặt anh T, chị A có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKS Tp. S;
- UBND phường Q;
- Chi cục THADS Tp. S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi